

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2020/HC-PT

Ngày 09/6/2020

V/v: “Khiếu kiện Quyết định
hành chính trong quản lý đất đai về hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 704/2019/TLPT-HC ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1020/2019/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 780/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Nam H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số 134/31A Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Thành phố M (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đ – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố M (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố M

2.2. Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố M

Địa chỉ: Số 7 Tân Phú, phường Tân Phú, Quận X, Thành phố M (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Đinh Quang Anh L, sinh năm 1986 - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận X (có mặt).

- Ông Trần Thanh T, sinh năm 1979 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận X (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú : Số 317 Đồ Sơn, phường 4, quận T, Thành phố M; tạm trú: 49/24/4 Bùi Quang Là, Phường 12, quận G, Thành phố M.

3.2. Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ : Số 134/31A Lý Chính Thắng, phường 7, Quận 3, Thành phố M.

Người kháng cáo: Ông Trần Nam H, sinh năm 1959;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/1/2017 của ông Trần Nam H; Bản tự khai ngày 4/4/2017 và Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 26/11/2018 do ông Võ Công N đại diện trình bày:

Năm 1997, ông H mua miếng đất diện tích 450m² tại 24/1 khu phố 1, phường Tân Quý Tây, huyện Nhà Bè (nay ấp 1, phường Tân Phong, Quận X) và được Ủy ban nhân dân Quận X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0048 QSDĐ/531HĐ2001 với diện tích 450 m², thửa đất số 279-2, tờ bản đồ số 04TQT, thời hạn gia hạn: 13 năm. Ngày 31/8/2015, ông H làm đơn xin gia hạn thời gian sử dụng đất và đã được gia hạn 50 năm.

Ngày 02/2/2016, đề cửng cổ hồ sơ pháp lý trong quá trình thương lượng với chủ đầu tư dự án nhà ở Công ty Kim Sơn, tại Phiếu cung cấp thông tin địa chính ngày 02/02/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Quận X có trả lời nội dung: “...*thời hạn sử dụng 13 năm*”. Do thấy sự khác biệt thời hạn sử dụng đất, trong quá trình thương lượng và làm việc với Ủy ban nhân dân Quận X, ông H được biết Ủy ban nhân dân Quận X đã có Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 về việc thu hồi hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0048 QSDĐ/531HĐ2001 với lý do thiếu tên đồng chủ sở hữu. Sau đó ông H

khieu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại với nội dung bác toàn bộ nội dung khiếu nại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009.

Việc ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X là trái pháp luật:

Thứ nhất, việc nhận chuyển nhượng và đứng tên trên Giấy chứng nhận số 0048 QSDĐ/531HĐ2001 chỉ có ông H, ngoài ra không còn ai.

Thứ hai, nếu Ủy ban nhân dân Quận X cho rằng có đồng chủ sở hữu thì trước khi thu hồi giấy chứng nhận phải mời ông H tham gia quá trình giải quyết, xác minh và làm rõ người nào đứng đồng chủ sở hữu mới đảm bảo tính chính xác và khách quan của vụ việc, trong khi ông H không hề hay biết và cũng không nhận được Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 mà quyết định lại ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của ông H.

Thứ ba, Ủy ban nhân dân Quận X cho rằng bà Lê Thị L là đồng sở hữu quyền sử dụng đất tại thửa 279-2 nhưng không có chứng cứ chứng minh mà hủy giấy chứng nhận của ông H là bất hợp lý

Thứ tư, Hợp đồng số 531 mà Ủy ban nhân dân Quận X cung cấp có dấu hiệu giả mạo, không có chữ ký ông H và có ghi thêm tên bà Thủy, bà Luy và có chữ ký của bà Thủy. Còn Hợp đồng số 531 gốc là có chữ ký ông H đã nộp vào Ủy ban nhân dân Quận X và bản còn lại ông H giữ đã bị thất lạc.

Ông Trần Nam H đề nghị hủy Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 về việc thu hồi hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0048 QSDĐ/531HĐ2001 đứng tên ông Trần Nam H, địa chỉ: 726A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, quận B của Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Nam H (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X vì đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Nam H.

Tại Bản tự khai ngày 08/6/2017, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Ủy ban nhân dân quận Quận X trình bày:

Ngày 02/02/2008, bà Lê Thị L có khiếu nại Ủy ban nhân dân Quận X cấp giấy chứng nhận cho ông Trần Nam H mà không có tên bà. Qua xem xét, Thanh tra Quận X đã có Báo cáo số 194/BC-TT ngày 26/9/2008 về thẩm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho ông H nhận định: Đối tượng được cấp giấy chứng nhận chưa đủ, đúng theo hồ sơ ban đầu; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có nội

dung xác nhận không chính xác (sai vị trí thửa đất), người nhận chuyển nhượng trong hợp đồng (bà T1) không thừa nhận chữ ký. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 về việc thu hồi hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0048 QSDĐ/531HĐ2001 với lý do: Thể hiện thiếu đồng sở hữu là đúng quy định pháp luật.

Không đồng ý với Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X, ông Trần Nam H đã có đơn khiếu nại ngày 12/4/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X đã thụ lý đơn khiếu nại, Ủy ban nhân dân Quận X đã thụ lý đơn khiếu nại theo đúng quy định pháp luật, qua xem xét Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X đã ban hành Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Nam H với nội dung: Bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Trần Nam H đối với Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 24/10/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích T1 và Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 26/11/2018 do ông Võ Công N đại diện đại diện trình bày:

Bà Trần Thị Bích T1 đồng ý với phần trình bày của ông Trần Nam H về nội dung khởi kiện cũng như phần yêu cầu của ông H đối với vụ việc.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 1020/2019/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố M đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm c khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 156, khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 98 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai 2003;

Căn cứ Khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại;

Căn cứ Điều 21 của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận khởi kiện của ông Trần Nam H yêu cầu hủy Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00478/QSĐĐ/531HD-2001 đứng tên ông Trần Nam H và Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Nam H.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định;

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/8/2019 ông Võ Công N người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Nam H kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00478/QSĐĐ/531HD-2001 đứng tên ông Trần Nam H và Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Nam H.

Tại phiên tòa, ông Trần Nam H và luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Trần Nam H cho rằng Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Nam H nhưng không thông báo cho ông Trần Nam H biết. Trong hợp đồng chuyển nhượng không có tên và chữ ký của bà Lê Thị L, đến nay, Ủy ban nhân dân Quận X cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Lê Thị L cùng nhận chuyển nhượng đất, hay cùng sử dụng đất với ông Trần Nam H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Nam H, sửa án sơ thẩm hủy hai quyết định trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Theo xác minh của Thanh tra Quận X thì năm 1997, ông C là chủ đất đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng 2 hợp đồng cho ông H và bà L, trong đó ông Trần Nam H nhận chuyển nhượng 300m², bà Lê Thị L nhận chuyển nhượng 150m². Đến năm 2001, hợp đồng chuyển nhượng làm theo mẫu, ông C chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Nam H và bà Nguyễn Thị Bích T1 450m². Tuy nhiên, khi xác nhận hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 279-2 thì UBND phường Tân Phong, Quận X lại xác nhận thửa đất chuyển nhượng là thửa 278, là không chính xác. Hơn nữa, sau khi cấp giấy chứng nhận QSĐĐ cho ông Trần Nam H, bà Lê Thị L có khiếu nại về việc Ủy ban cấp giấy không có tên bà L là cấp thiếu

người sử dụng đất chung. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận X thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông Trần Nam H là đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; ông H khiếu nại không có cơ sở nên bị bác khiếu nại là phù hợp, đề nghị bác đơn kháng cáo của ông Trần Nam H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, các đương sự tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án, năm 1997 ông C đã chuyển nhượng cho ông Trần Nam H 300m², chuyển nhượng cho bà Lê Thị L 150m². Đến năm 2001, Ủy ban nhân dân Quận X đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Trần Nam H diện tích 450m² không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015, bác đơn kháng cáo của ông Trần Nam H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đơn kháng cáo người đại diện hợp pháp của ông Trần Nam H hợp lệ, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của ông Trần Nam H, cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là đúng quan hệ tranh chấp. Đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố M về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00478/QSDĐ/531HĐ-2001 đứng tên ông Trần Nam H và Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố M về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Nam H. Thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố M, được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận số 00478/QSDĐ/531HĐ-2001 đứng tên ông Trần Nam H và Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Nam H là đúng trình tự, thủ tục và thẩm

quyền được quy định tại Điều 52 Luật Đất đai 2003 nay là Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại.

[3]. Xét tính hợp pháp nội dung của Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố M về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00478/QSDĐ/531HD-2001 đứng tên ông Trần Nam H thì thấy:

[3.1]. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi cho Ủy ban nhân dân Quận X cho rằng một trong những căn cứ để Ủy ban nhân dân Quận X thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông Trần Nam H là do Ủy ban nhân dân phường Tân Phong xác nhận không đúng vị trí thửa đất chuyển nhượng (thửa 279-2 nhưng xác nhận thửa 278). Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân Quận X cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Trần Nam H diện tích 450m² thuộc thửa 279-2 là đúng diện tích, đúng vị trí đất hai bên đã thỏa thuận chuyển nhượng theo hợp đồng.

[3.2]. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân Quận X cho rằng giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông Trần Nam H thiếu tên người sử dụng đất chung là bà Lê Thị L, Ủy ban nhân dân Quận X đã ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông Trần Nam H là đúng pháp luật. Tuy nhiên, đến nay Ủy ban nhân dân Quận X cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh ông C là chủ đất đã chuyển nhượng chung cho ông Trần Nam H, bà Lê Thị L 450m² đất thuộc thửa 279-2. Theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 18/5/2001, ông C chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Nam H và bà Nguyễn Thị Bích T1 diện tích 450m² thuộc thửa 279-2, không có tên và chữ ký của bà Lê Thị L. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận X đã ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009, về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông Trần Nam H là chưa đủ cơ sở.

[3.3]. Trong trường hợp bà Lê Thị L có khiếu nại thì hướng dẫn khởi kiện tại tòa án có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khi đó bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình và Tòa án sẽ xem xét việc Ủy ban nhân dân Quận X, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00478/QSDĐ/531HD-2001 đứng tên ông Trần Nam H có đúng quy định của pháp luật hay không, để công nhận hay hủy bỏ, mới bảo đảm quyền và lợi ích hợp

pháp của các bên đúng theo quy định của pháp luật.

[4]. Từ những phân tích trên, Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X giải quyết khiếu nại của ông Trần Nam H về việc công nhận Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X về thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông Trần Nam H là chưa đúng quy định của pháp luật.

[5]. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, lời bảo vệ của người bị kiện không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Nam H, sửa án sơ thẩm, hủy Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố M.

Do sửa án sơ thẩm nên Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố M phải chịu án phí sơ thẩm, ông Trần Nam H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Nam H; sửa bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại. Căn cứ khoản 3 Điều 48 Luật đất đai năm 2003. Điều 106 Luật Đất đai 2013. Căn cứ khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Nam H. Hủy Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố M về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00478/QSDĐ/531HD-2001 đứng tên ông Trần Nam H; hủy Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố M về việc giải quyết khiếu nại

của ông Trần Nam H.

Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban ban nhân dân Quận X, Thành phố M phải chịu 300.000 đồng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố M phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Nam H 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0033625 ngày 23/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố M.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Nam H không phải chịu, hoàn trả cho ông Trần Nam H 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0024631 ngày 03/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố M.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 09/6/2020./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND TP M;
- VKSND TP M;
- Cục THADS TP M;
- Các đương sự (5);
- Lưu VP(6), HS(1) PTHH-17.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

